TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2018/HSST
Ngày 02/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Trí
Ông Thiệu Khắc Yên

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Lê Thị Liên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Ông Đỗ Văn Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/ 2018/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2018, Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HS ngày 12/4/2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T, sinh năm: 1984; sinh và trú tại: Thôn 1, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T2 (đã chết) và bà: Đỗ Thị T3; có vợ: Phạm Thị L (đã ly hôn) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014; không tiền án, tiền sự;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2018 đến ngày 08/3/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Quốc T4, sinh năm: 1995; sinh và trú tại: Thôn 2, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B và bà: Lê Thị T5; có vợ: Nguyễn Thị T6; không tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2018 đến ngày 08/3/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Lê Văn Đ, sinh năm: 1995; sinh và trú tại: Thôn 1, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn C và bà: Nguyễn Thị M; chưa có vợ, con; không tiền án, tiền sự;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2018 đến ngày 08/3/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1988; sinh và trú tại: Thôn 1, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T7 và bà: Lê Thị B1; chưa có vợ, con; không tiền án, tiền sự

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2018 đến ngày 08/3/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Lê Bá H, sinh năm: 1986; sinh và trú tại: Thôn 5, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 8; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Bá H1 và bà: Trần Thị Đ1; chưa có vợ, con; không tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2018 đến ngày 08/3/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Nguyễn Ngọc T8, sinh năm: 1986; sinh và trú tại: Thôn Trường Loan, xã M1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc Đ2 và bà: Lê Thị K; chưa có vợ, con; không tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2018 đến ngày 08/3/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 27/02/2018, các bị cáo: Lê Văn T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Ngọc T8, Nguyễn Quốc T4, Lê Văn Đ và Lê Bá H cùng đi đám cưới ở thôn 1, xã T1 . Sau khi đi đám cưới về thì T rủ các bị cáo khác về nhà uống nước. Đang uống nước thì T gợi ý cho các bị cáo đánh bạc và nói đã có sẵn bài và chiếu trong phòng ngủ. Do bài thiếu quân nên T bảo các bị cáo khác chơi ba cây và được các bị cáo đồng ý. Trong một bộ bài tú lơ khơ có 52 cây, các bị cáo đã sử dụng 36 cây bài từ A (át) đến 9 để chơi. Quá trình chơi có 01 người được gọi là "chương", những người không làm chương thì đặt cửa để đánh bạc với "chương" hoặc với người chơi khác. Mỗi người được chia 03 lá bài, cộng tổng ba lá bài và tính điểm hàng đơn vị, người lớn hơn thì ăn, điểm cao nhất là 10, điểm thấp nhất là 1. Nếu chương được 10 thì các người chơi phải trả gấp đôi số tiền cược và ngược lại. Nếu điểm bằng nhau thì so chất theo thứ tự rô, cơ, bích, tép.

Do không có tiền nên T ngồi xem còn C1, T8, T4, Đ, H trực tiếp đánh bạc với hình thức ba cây cộng điểm ăn tiền, mức cược thấp nhất là 20.000^{đ}, cao nhất là 50.000^{đ}. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày Công an huyện Nông Cống bắt quả tang các đối tượng đánh bạc tại nhà T và thu giữ: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 7.150.000^{đ}; 36 cây bài tú lơ khơ và 01 chiếu cói.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận số tiền dùng đánh bạc như sau:

Bị cáo T4 là 4.000.000đ; bị cáo H 1.190.000đ; bị cáo C1 là 1.060.000đ; bị cáo Đ 700.000đ; bị cáo T8 là 200.000đ . Bị cáo T không trực tiếp đánh bạc, nhưng là người khởi xướng, bố trí địa điểm và cung cấp bài, chiếu cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình.

Bị cáo T4 thuộc diện hộ nghèo, quá trình điều tra đã được cơ quan tiến hành tố tụng giải thích rõ quyền yêu cầu trợ giúp pháp lý Nhà nước, nhưng bị cáo đã có đơn từ chối.

*** Vật chứng vụ án:**

Tiền ngân hàng Nhà nước 7.150.000đ; 36 cây bài tú lơ khơ; 01 chiếc chiếu cói cũ. Toàn bộ vật chứng đã được Công an huyện Nông Cống chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự (sau đây viết tắt là THADS) huyện Nông Cống ngày 11/4/2018.

Tại bản cáo trạng số 19/CTr-VKS ngày 11/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Nông Cống truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 điều 321 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa:

* Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối lỗi, hứa sửa chữa, không tái phạm, xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương.

* Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Giữ nguyên quyết đinh truy tố và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 1, khoảm 3 Điều 321; khoản 1 Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS đối với bị cáo Lê Văn T, xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Phạt bổ sung từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1Điều 321; khoản 1 Điều 17; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51BLHS, đối với Nguyễn Văn C1, Nguyễn Ngọc T8, Lê Văn Đ, Lê Bá H, Nguyễn Quốc T4, xử phạt các bị cáo từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập của các bị cáo C1, T8, Đ, H từ 15 đến 20%; T4 từ 5 đến 10%.

Đề nghị tịch thu, sung quỹ Nhà nước 7.150.000đ; tịch thu tiêu hủy 36 cây bài và 1 chiếc chiếu cói. Các bị cáo C, T8, Đ, H phải chịu án phí HSST, miễn án phí cho bị cáo T4.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, VKSND huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì thấy các

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa: Các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc". theo khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai quá trình điều tra, cùng vật chứng vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy đủ cơ sở chứng minh: Trưa ngày 27/02/2018, tại nhà Lê Văn T thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa các bị cáo Nguyễn Quốc T4, Lê Bá H, Nguyễn Văn C1, Lê Văn Đ, Nguyễn Ngọc T8 đã có hành vi đánh bạc dưới dạng đánh liêng thắng thua bằng tiền. Tổng số tiền mà các bị cáo dùng đánh bạc là 7,150.000đ. Cụ thể của từng bị cáo như sau: T4 là 4.000.000đ, H 1.190.000đ, C1 là 1.090.000đ, H 700.000đ, T8 là 200.000đ. Bị cáo T không trực tiếp đánh bạc, nhưng là người khởi xướng, bố trí địa điểm và cung cấp bài, chiếu cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Đánh bạc" tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 321 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý của Nhà Nước, gây mất trạt tự trị an trên địa bàn. Vì vậy, cần xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự để giáo dục các bị cáo ý thức chấp hành pháp luật và răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[5] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Bị cáo T có vai trò thứ nhất, bị cáo T4 vai thứ hai, bị cáo H thứ 3, bị cáo C1 thứ 4 , Đ thứ 5, T8 thứ 6.

[6]Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả 6 bị cáo đều có chung tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51BLHS.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng.

[9] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo; HĐXX xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo T, T4, H, C1 ấn định thời thời gian thử thánh dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Đ và bị cáo T8 là phù hợp với Điều 35 và Điều 65 BLHS;

[10] Về hình phạt bổ sung áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS phạt bổ sung bị cáo T, H, C1 một khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T4.

[11] Về vật chứng: Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo đánh bạc; tịch thu tiêu hủy 36 cây bài tú lơ kho và 01 chiếc chiếu cói.

[12] Về án phí: Các bị cáo có tội, bị kết án nên phải chịu án phí HSST. Bị cáo T4 thuộc diện hộ nghèo nên được miễn toàn bộ tiền án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Lê Văn T, Nguyễn Quốc T4, Lê Bá H, Nguyễn Văn C1, Lê Văn Đ, Nguyễn Ngọc T8 phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; khoản 1 Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS;

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn T 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/5/2018).

Phạt bổ sung bị cáo 12.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T4: 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/5/2018).

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Tấn.

+ Xử phạt bị cáo Lê Bá H 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/5/2018).

Phạt bổ sung bị cáo H 10.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1: 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/5/2018).

Phạt bổ sung bị cáo C1: 10.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo T,T4, H, C1 cho UBND xã T1, huyện N Cống, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 17; ĐIều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS;

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 22.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T8: 20.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS: tịch thu, sung quỹ Nhà nước 7.150.000đ; tịch thu tiêu hủy 36 cây bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu cói (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/4/2018 giữa Công an huyện Nông Cống và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 12; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo T, H, C1, Đ, T8 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST. Miễn án phí HSST cho bị cáo T4.

Án xử công khai có mặt các bị cáo, Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ; văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình